

Số: 03 /2022/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đấu giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7464/TTr-STC-QLCSGC ngày 29 tháng 11 năm 2021, Công văn số 7901/STC-QLCSGC ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Công văn số 163/STC-QLCSGC ngày 11 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa theo hình thức đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 về đối tượng áp dụng như sau:

“1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và các cá nhân khác có liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 về điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá như sau:

“Người được tham gia đấu giá quy định tại Điều 3, Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có đơn đề nghị tham gia đấu giá, phù hợp với từng dự án cụ thể, trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ do cấp có thẩm quyền quy định.

2. Điều kiện về vốn, kỹ thuật và năng lực tài chính

a) Người tham gia đấu giá phải có đủ điều kiện về vốn, kỹ thuật và năng lực tài chính để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20ha; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20ha trở lên; đồng thời vốn chủ sở hữu phải đáp ứng cho tất cả các dự án mà mình đang thực hiện.

- Có cam kết tài trợ vốn vay để thực hiện dự án từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác.

- Có ngành nghề kinh doanh phù hợp với mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; có phương án đầu tư xây dựng khả thi, hiệu quả.

b) Ký quỹ theo quy định tại Quyết định số 2344/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với dự án đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất do Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xác định thông qua kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai đối với các dự án.

4. Trong một gói đấu giá thì một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; trường hợp có 02 (hai) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con.

5. Tùy theo tính chất, đặc điểm và quy mô của gói đấu giá, đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá sẽ được xác định cụ thể trong phương án đấu giá do cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

3. Sửa đổi bổ sung Điều 7 về điều kiện về tài sản công là nhà, đất được đưa ra đấu giá như sau:

“Tài sản công là nhà, đất được đưa ra đấu giá khi có các điều kiện sau:

1. Tài sản công là nhà, đất dôi dư không còn nhu cầu sử dụng căn cứ theo Phương án sắp xếp nhà, đất tổng thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch chi tiết xây dựng và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Có phương án đấu giá bán tài sản và giá khởi điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với dự án phải có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 về lập và phê duyệt quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

“1. Thẩm quyền ban hành quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý.

- Thẩm quyền bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều 26 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

2. Đối với tài sản công là nhà, đất dôi dư không còn nhu cầu sử dụng, căn cứ theo Phương án sắp xếp nhà, đất tổng thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, bao gồm:

2.1. Văn bản đề nghị bán tài sản công là nhà, đất của đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó nêu rõ hình thức bán, trách nhiệm tổ chức bán, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản): 01 bản chính;

2.2. Văn bản đề nghị bán tài sản công là nhà, đất của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

2.3. Danh mục tài sản công là nhà, đất đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính;

Nguyên giá tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất để xác định thẩm quyền quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất được

xác định tại thời điểm cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lập báo cáo kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; cụ thể như sau:

a) Nguyên giá tài sản trên đất: Theo nguyên giá trên sổ kế toán; trường hợp nguyên giá tài sản chưa theo dõi trên sổ kế toán thì căn cứ vào hồ sơ chứng từ mua sắm (hoặc đầu tư) để xác định nguyên giá tài sản theo chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp;

b) Đối với giá trị quyền sử dụng đất:

- Đối với đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng: Xác định theo quy định tại Điều 101 và Điều 102 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Đối với đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng: Giá trị quyền sử dụng đất được tính bằng (=) diện tích đất nhân (x) với giá đất theo mục đích sử dụng đất của loại đất đang sử dụng tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định áp dụng tại thời điểm lập báo cáo kê khai, đề xuất phương án bán.

Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất trong nguyên giá tài sản quy định tại điểm này chỉ sử dụng để xác định thẩm quyền quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định này, không sử dụng để xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán để bán chỉ định. Trường hợp bán một phần diện tích nhà, đất của một cơ sở nhà, đất thì nguyên giá để xác định thẩm quyền quyết định bán được xác định tương ứng với phần diện tích nhà, đất đề nghị bán.

2.4. Ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất: 01 bản sao;

2.5. Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản công là nhà, đất (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định bán tài sản công là nhà, đất.

Nội dung chủ yếu của Quyết định bán tài sản công là nhà, đất gồm:

a) Cơ quan nhà nước có tài sản bán;

b) Danh mục tài sản được bán (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bán);

c) Phương thức bán tài sản: Đấu giá

d) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản công là nhà, đất (là đơn vị có tài sản đề nghị bán hoặc Sở Tài chính).

đ) Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp.

5. Gia hạn thời gian bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này có thẩm quyền xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án. Việc gia hạn chỉ thực hiện một lần và thời gian tối đa được gia hạn không quá 24 tháng kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn.

6. Việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập thành Hợp đồng mua bán tài sản”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 về xác định giá khởi điểm như sau:

“1. Căn cứ quyết định đấu giá bán tài sản trên đất và quyền sử dụng đất, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá khởi điểm để đấu giá (bao gồm: Giá trị còn lại của tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất), gửi Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh (Sở Tài chính là cơ quan thường trực hội đồng) tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Trong trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá khởi điểm để đấu giá thì Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

Giá khởi điểm của tài sản trên đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá khởi điểm của quyền sử dụng đất được xác định phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất phổ biến trên thị trường theo mục đích sử dụng mới của khu đất tại thời điểm có quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định hiện hành về xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê, không thấp hơn giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất do UBND tỉnh ban hành tương ứng với mục đích sử dụng mới nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định.

Giá trị tài sản được xác định trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

2. Hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá bao gồm:

- a) Tờ trình về phương án giá khởi điểm của tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất;
- b) Dự thảo phương án giá khởi điểm;
- c) Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá khởi điểm;
- d) Văn bản thẩm định phương án giá khởi điểm.

3. Việc tổ chức bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp theo hình thức đấu giá thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá và quy định áp dụng đối với trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. Trường hợp thời điểm xác định giá khởi điểm khác với thời điểm có quyết định bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì giá khởi điểm được xác định tại thời điểm định giá”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 quy định về thanh toán như sau:

“1. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản được quy định tại Quy chế đấu giá (trong trường hợp bán đấu giá), Hợp đồng mua bán tài sản. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản được quy định như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (đối với trường hợp bán đấu giá) người mua có trách nhiệm thanh toán 50% tiền mua tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán;

b) Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người mua có trách nhiệm thanh toán 50% tiền mua tài sản còn lại cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán;

c) Trường hợp quá thời hạn thanh toán quy định tại điểm a, điểm b khoản này mà người mua chưa hoàn thành việc thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán thì người mua tài sản phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán gửi văn bản và hồ sơ bán tài sản đến Cục Thuế (nơi có cơ sở nhà, đất bán) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Hồ sơ gửi Cục Thuế gồm:

- Thông báo về giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Sở Tài chính (đối với trường hợp bán chỉ định).

- Hợp đồng mua bán tài sản.

- Chứng từ nộp tiền thanh toán cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán (bản sao).

2. Trong thời hạn 90 ngày (trường hợp bán trụ sở làm việc), kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà người được quyền mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản thì người được quyền mua tài sản phải nộp khoản tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của người được quyền mua tài sản (nếu có) gửi Cục Thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương (trong trường hợp tài sản của cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý).

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp đã ký hợp đồng mua bán tài sản hoặc thanh toán tiền mua tài sản nhưng sau đó người mua tài sản không mua nữa thì được xử lý theo hợp đồng ký kết và pháp luật về dân sự.

3. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho người mua theo quy định. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán nộp tiền vào tài khoản tạm giữ; quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19, 20 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ”.

7. Bổ sung Điều 22 quy định về điều khoản chuyển tiếp như sau:

“Đối với việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ có hiệu lực thi hành được xử lý như sau:

- Trường hợp đã tổ chức đấu giá thành công thì tiếp tục thực hiện các thủ tục để hoàn thành việc mua bán theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp chưa tổ chức đấu giá hoặc tổ chức đấu giá không thành hoặc kết quả đấu giá bị hủy theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc quyết định bán của cơ quan, người có thẩm quyền đã hết hiệu lực theo quy định của pháp luật thì dừng việc bán và thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, Cơ quan Đảng, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi